TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Q. LIÊN CHIỂU, TP. ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DS-ST
Ngày: 03/7/2024
V/v "*Tranh chấp về chia tài sản chung, chia thừa kế theo pháp luật, yêu cầu xác nhận quyền thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chi
Bà Huỳnh Thị Lệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thái Trâm Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Phương D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLST-DS ngày 04/10/2023 về "*Tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế theo pháp luật, yêu cầu xác nhận quyền thừa kế*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐST-DS ngày 08/5/2024, thông báo mở lại phiên tòa số: 156/TB-TA ngày 20/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1935; Địa chỉ cư trú: Số nhà H đường P, tổ G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ E, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: Số B đường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy ủy quyền lập ngày 19/10/2023*). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Võ Thanh H1 – Luật sư của Chi nhánh Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Số nhà H đường P, tổ G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Tuấn M, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (*Theo giấy ủy quyền lập ngày 19/10/2023).* Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Bà Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1987; địa chỉ: 4 A, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phước: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973; địa chỉ: phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng và bà Trần Thị Thanh M1, sinh năm 2001; địa chỉ: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ liên hệ: G T, quận T, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/10/2023*). Có mặt.

3.2. Ông Võ Anh X, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà A đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: Số nhà C C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Võ Anh X1: Ông Phạm C – Luật sư của Văn phòng L2 Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn N, sinh năm 1995 và bà Nguyễn Thị Thúy H2, sinh năm 2000; cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện của mình trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết H như sau:

Bà và ông Nguyễn Minh Đ là vợ chồng, ông Đ chết năm 2017 (đăng ký khai tử số 166/2017 ngày 12/10/2017 tại UBND phường H). Cha mẹ của ông Đ là ông Nguyễn Trọng N1 và bà Nguyễn Thị L đã chết trước ông Đ. Bà và ông Đ không có con đẻ mà chỉ có 01 con nuôi tên là Nguyễn Thị Hoàng Y (sinh năm 1980), đây là con nuôi mà ông bà nhận nuôi từ nhỏ và đã làm đăng ký khai sinh ngày 09/9/1983

theo Giấy khai sinh số 632/GKS-BS. Ngoài ra, ông Đ có 01 con riêng tên là Phạm Thị Hồng P (sinh năm 1987). Ngoài 02 người con nói trên thì ông Đ không có con nuôi, con riêng nào khác.

Quá trình chung sống thì giữa bà và ông Đ tạo lập được khối tài sản chung gồm:

+ 01 (một) ngôi nhà 02 tầng (Diện tích xây dựng: 78.7m^2, diện tích sử dụng: 161.9m^2) và quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 69; tờ bản đồ số: 30; diện tích đất: 81.0m^2; Địa chỉ thửa đất: Tổ 28 cũ (tổ 73 mới), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG004678 do UBND quận L cấp ngày 21/9/2006.

+ 01 (một) ngôi nhà cấp 04 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 48; tờ bản đồ số: 09; diện tích: 726.0m^2; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC150354 do UBND huyện P cấp ngày 09/5/2011.

+ 01 (một) Sổ tiết kiệm tại ngân hàng T2 – Chi nhánh H3 với số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Sau khi ông Đ chết thì các con có sự tranh giành tài sản nên bà khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

- Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bà và ông Đ đối với khối tài sản nói trên. Bà yêu cầu được nhận ½ khối tài sản chung của vợ chồng.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản do ông Nguyễn Minh Đ để lại là ½ khối tài sản chung của vợ chồng nói trên. Bà yêu cầu chia thành 03 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế gồm bà Võ Thị Tuyết H, bà Nguyễn Thị Hoàng Y, bà Phạm Thị Hồng P.

Về phương thức chia tài sản: Bà H có yêu cầu nhận toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng và có trách nhiệm thối trả kỷ phần thừa kế bằng tiền cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y, bà Phạm Thị Hồng P theo quy định của pháp luật.

Bà thống nhất với kết quả định giá của Chứng thư thẩm định giá số 5240081/CT-BTCVALUATION ngày 21/3/2024 của Công ty Cổ phần T3 và đề nghị Toà án căn cứ kết quả của Chứng thư thẩm định giá để giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu độc lập của của ông Võ Anh X1 về việc yêu cầu xác định ông X1 có quyền thừa kế di sản của ông Nguyễn Minh Đ và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đ làm 04 phần thì bà H không đồng ý và đề nghị Tòa án bác yêu

cầu của ông X1. Bà cho rằng ông X1 không phải là con nuôi của vợ chồng bà và ông Đ gì cả mà ông X1 là cháu của bà, vì tạo điều kiện cho ông X1 nên ông bà đã cho ông X1 nhập khẩu và cho tiền ăn học. Sau khi ông X1 lập gia đình đã tách khẩu ra ở riêng có nhà cữa đàng hoàng. Ông X1 chưa bao giờ phụng dưỡng gì vợ chồng bà.

Tại Văn bản trình bày ý kiến, quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày:

Bà xác định bà là con của bà H và ông Đ, được bà H ông Đ nhận nuôi từ lúc còn nhỏ và đã được ông Đ làm Giấy khai sinh thể hiện bà H ông Đ là cha mẹ của bà. Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về khối tài sản chung của vợ chồng bà H ông Đ, về hàng thừa kế cũng như di sản của cha bà ông Đ chết để lại.

Bà Y xác định di sản của cha bà ông Đ chết để lại là ½ khối tài sản gồm:

+ Một ngôi nhà và đất tại thửa đất số: 69; tờ bản đồ số: 30; Địa chỉ: Tổ B cũ (Tổ 73 mới), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG004678 do UBND quận L cấp ngày 21/9/2006*)

+ Một ngôi nhà cấp và đất tại thửa đất số: 48; tờ bản đồ số: 09; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC150354 do UBND huyện P cấp ngày 09/5/2011*).

+ Sổ tiết kiệm tại ngân hàng T2 với số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Bà thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Minh Đ gồm có 03 người là: bà H, bà và bà Phước.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của cha mẹ bà và chia thừa kế di sản của cha bà chết để lại thì bà thống nhất. Quá trình tố tụng bà xin được nhận bằng hiện vật là ngôi nhà và đất tại H đường P, tổ G phường H, quận L và sẽ thối trả tiền cho bà H, bà Phước theo quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà trình bày tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho mẹ bà là bà H được nhận.

Đối với số tiền lãi của tiền gửi tiết kiệm 30.000.000 đồng thì bà đồng ý giao cho bà H được toàn quyền sở hữu.

Đối với các cây trồng trên đất tại thửa đất ở Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và tiền cho thuê nhà thì bà không có tranh chấp gì, không yêu cầu giải quyết.

Bà thống nhất với kết quả định giá của Chứng thư thẩm định giá số 5240081/CT-BTCVALUATION ngày 21/3/2024 của Công ty Cổ phần T3 và đề nghị Toà án căn cứ kết quả của Chứng thư thẩm định giá để giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu độc lập của của ông Võ Anh X1 về việc yêu cầu xác định ông X1 có quyền thừa kế di sản của ông Đ và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đ làm 04 phần thì bà không đồng ý và đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông X1 vì ông X1 không phải là con nuôi của vợ chồng bà H ông Đ. Ông X1 không có chăm sóc phụng dưỡng gì cha mẹ của bà. Việc trên bia mộ của cha bà có ghi tên ông X1 là do ông X1 tự ý làm mà không có sự đồng ý của gia đình bà.

Tại Đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Hồng P và người đại diện của mình trình bày:

Cha bà Phước là ông Nguyễn Minh Đ. Mẹ bà Phước là bà Phạm Thị T (hiện nay mẹ bà Phước đã mất) có quen biết với cha bà Phước là ông Đ. Đến năm 1987, mẹ bà Phước mang thai và sinh ra bà Phước. Tuy nhiên, do khi đang có quan hệ tình cảm với mẹ bà Phước thì ông Đ đang có vợ là bà Võ Thị Tuyết H. Vì để bảo vệ cho hạnh phúc gia đình và công việc của cha bà Phước nên khi làm giấy khai sinh cho bà Phước thì mẹ bà Phước đã khai sai lệch họ và tên cha của bà Phước tên là Phạm Văn Đ1 theo Giấy khai sinh số 87 đăng ký ngày 03 tháng 5 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân phường B. Ngày 16/5/2013, cha bà Phước là ông Đ1 đã nhận bà Phước là con của ông và được Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng có Quyết định về việc công nhận việc nhận con số 181/QĐ-UBND. Ngày 29/5/2013, theo Quyết định về việc cải chính hộ tịch số 19/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận H, TP . đã cải chính phần khai về họ tên C1 trong bản chính giấy khai sinh của bà Phước từ Phạm Văn Đ1, 56 tuổi thành Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1930.

Bà Phước thống nhất với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cha bà là ông Nguyễn Minh Đ gồm 03 người là bà H, bà T1 và bà Phước đồng thời thống nhất xác định di sản của cha bà ông Nguyễn Minh Đ chết để lại là ½ khối tài sản gồm:

+ Một ngôi nhà và đất tại thửa đất số: 69; tờ bản đồ số: 30; Địa chỉ: Tổ B cũ (Tổ 73 mới), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG004678 do UBND quận L cấp ngày 21/9/2006*)

+ Một ngôi nhà và đất tại thửa đất số: 48; tờ bản đồ số: 09; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC150354 do UBND huyện P cấp ngày 09/5/2011*).

+ Sổ tiết kiệm tại ngân hàng T2 với số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế di sản của cha bà là ông Đ chết để lại thì bà thống nhất. Tuy nhiên bà xin được nhận bằng hiện vật là ngôi nhà cấp và đất tại thửa đất số: 48; Tờ bản đồ số: 09; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để có nơi đi về, bảo vệ đất đai của tổ tiên. Đối với kỷ phần của bà Phước được nhận nếu có sự chênh lệch giá trị thì đề nghị thối trả tiền theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền lãi của tiền gửi tiết kiệm 30.000.000 đồng thì bà đồng ý giao cho bà H được toàn quyền sở hữu.

Đối với các cây trồng trên đất tại thửa đất ở Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì bà không có tranh chấp gì, không yêu cầu giải quyết.

Bà thống nhất với kết quả định giá của Chứng thư thẩm định giá số 5240081/CT-BTCVALUATION ngày 21/3/2024 của Công ty Cổ phần T3 và đề nghị Toà án căn cứ kết quả của Chứng thư thẩm định giá để giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu của ông Võ Anh X1 về việc yêu cầu xác định ông X1 có quyền thừa kế di sản của ông Đ và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đ làm 04 phần thì bà Phước không đồng ý. Bởi vì, ông Đ và bà H chỉ nhận bà Nguyễn Thị Hoàng Y là con nuôi của ông bà và bà Phạm Thị Hồng P là con riêng của ông Đ đã được giám định ADN. Ông X1 cũng nhận mình là con nuôi của ông Đ, bà H nhưng không có giấy tờ, tài liệu nào để chứng minh ông X1 là con nuôi cũng như bà H không thừa nhận ông X1 là con nuôi. Do đó, ông X1 không phải là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ. Nên đề nghị Toà án bác yêu cầu của ông X1.

Tại Đơn yêu cầu độc lập, quá trình tố tụng và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Võ Anh X1 trình bày:

Ông xác định ông là con nuôi của ông Đ và bà H. Trong Sổ hộ khẩu gốc của ông Nguyễn Minh Đ có thể hiện ông là con nuôi. Quá trình tố tụng, ông trình bày đến sống cùng với bà H ông Đ vào năm 1979, tại phiên tòa ông cho rằng mình ra Đà Nẵng sống với ông Đ bà H là năm 1977. Đến năm 2001 thì ra ở riêng. Ông Đ

chết năm 2017 không để lại di chúc. Lúc ông Đ chết thì ông đã đeo tang và lập bia mộ thể hiện ông là con trai của ông Đ.

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về tài sản chung của vợ chồng bà H ông Đ, di sản thừa kế của ông Đ chết để lại và xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm có 04 người là bà H, bà Y, bà Phước và ông.

Nay ông có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể như sau:

- Yêu cầu công nhận ông thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Minh Đ;

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ chết để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là 04 người là bà H, bà Y, bà Phước và ông. Ông được nhận ¼ di sản thừa kế của ông Đ. Tại phiên tòa ông có nguyện vọng được nhận nhà đất tại Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông thống nhất với kết quả định giá của Chứng thư thẩm định giá số 5240081/CT-BTCVALUATION ngày 21/3/2024 của Công ty Cổ phần T3 và đề nghị Toà án căn cứ kết quả của Chứng thư thẩm định giá để giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 06/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị Thúy H2 trình bày:

Tháng 10/2023 vợ chồng ông bà thuê ngôi nhà tại Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế của bà Võ Thị Tuyết H để ở với giá 800.000 đồng/tháng. Việc thuê nhà chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không có hợp đồng gì. Vợ chồng ông bà chỉ thuê nhà để ở, còn việc tranh chấp giữ bà H với bà Y thì vợ chồng ông bà không biết và không liên quan. Ông bà có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70,71,72,73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Hồng P; không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Anh X và xử:

Chia tài sản chung giữa bà Võ Thị Tuyết H và ông Nguyễn Minh Đ, mỗi người được nhận ½ khối tài sản là: Nhà đất tại thửa đất số: 69; tờ bản đồ số: 30; Địa chỉ: H P, tổ G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nhà và đất tại thửa đất số: 48; tờ bản đồ số: 09; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền gốc 30.000.000 đồng đang gửi tiết kiệm tại ngân hàng.

Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ là ½ khối tài sản chung của vợ chồng cho 03 người thừa kế là bà H, bà Y và bà Phước.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y về việc tặng cho bà H kỷ phần thừa kế của mình được nhận.

Đề nghị giao cho bà H sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ H P, tổ G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng và Sổ tiết kiệm có số tiền gốc 30.000.000 đồng.

Đề nghị giao cho bà Phước sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bà H có trách nhiệm thối trả giá trị chênh lệch của kỷ phần thừa kế cho bà Phước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế theo pháp luật, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại quận L. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị Thúy H2 vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên.

[3] Quá trình tố tụng và phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có thay đổi, bổ sung gì. Đến phần tranh tụng, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu tính công sức đóng góp, duy trì, tôn tạo di sản thừa kế của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy đây

là yêu cầu vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[4] *Về thời hiệu thừa kế:* Ông Nguyễn Minh Đ chết ngày 27/9/2017, ngày 20/9/2023 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ chết để lại. Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu chia di sản thừa kế của của ông Nguyễn Minh Đ còn trong thời hiệu. Ngày 14/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng P có Đơn yêu cầu độc lập yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình; ngày 05/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Anh X1 có Đơn yêu cầu độc lập yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 623 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu của bà Phạm Thị Hồng P và ông Võ Anh X1 còn trong thời hiệu.

[5] *Về người thừa kế theo pháp luật:* Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự thì "*Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết*".

[5.1] Các đương sự đều thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Minh Đ có vợ là bà Võ Thị Tuyết H, con riêng của ông Nguyễn Minh Đ là bà Phạm Thị Hồng P (*có Quyết định về việc công nhận việc nhận con số 181/QĐ-UBND ngày 16/5/2013*), con là bà Nguyễn Thị Hoàng Y (*có Giấy khai sinh số: 632/GKS-BS ngày 09/9/1983*) và không có tranh chấp, khiếu nại gì về quyền thừa kế của những người này nên Hội đồng xét xử công nhận các bà Võ Thị Tuyết H, Phạm Thị Hồng P và Nguyễn Thị Hoàng Y là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Minh Đ.

[5.2] Đối với ông Võ Anh X1 trình bày cho rằng ông là con nuôi của ông Nguyễn Minh Đ nên có yêu cầu độc lập đề nghị xác nhận quyền thừa kế của mình, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định của Luật Nuôi con nuôi năm 2010 thì con nuôi hợp pháp phải được đăng ký, ghi vào sổ hộ tịch và có Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. Điều 50 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định "… *việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau trước ngày luật này có hiệu lực mà chưa được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được đăng ký trong thời hạn 05 năm kể từ ngày luật này có hiệu lực*…". Tuy nhiên ông X1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đăng ký nuôi con nuôi hợp pháp của mình. Mặt khác, ông X1 khai cho rằng mình được ông Đ bà Y nhận nuôi, theo Sổ hộ khẩu gốc

của ông Nguyễn Minh Đ thể hiện ông X1 chuyển đến cùng khẩu với ông Đ từ năm 1986 (thời điểm ông X1 24 tuổi). Tuy nhiên, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 thì "*Người từ 15 tuổi trở xống mới được nhận làm con nuôi*" và Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định: Người được nhận làm con nuôi phải là "*trẻ em dưới 16 tuổi*" và "*Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai vợ chồng*". Bà H không thừa nhận việc ông X1 là con nuôi của vợ chồng mình. Do đó, theo quy của pháp luật, ông X1 không đủ điều kiện để được ông Nguyễn Minh Đ nhận làm con nuôi. Mặt khác, các đương sự khác đều trình bày xác định ông X1 không phải là con nuôi của ông Đ bà H và không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý chí của ông Đ nhận ông X1 làm con nuôi. Như vậy, không có cơ sở để xác định ông X1 là con nuôi của ông Nguyễn Minh Đ nên ông X1 không có quyền thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Minh Đ chết để lại. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Anh X1 đề nghị xác nhận quyền thừa kế của mình là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Minh Đ.

[5.3] Đối với Sổ Hộ khẩu gốc của ông Nguyễn Minh Đ có ghi thành phần trong hộ là ông Võ Anh X1, quan hệ với chủ hộ là: "Con nuôi", chuyển khẩu đến năm 1986 và tách hộ chuyển đi năm 2001. Xét đây không phải là giấy tờ chứng minh quan hệ nuôi con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi năm 2010 nên không được chấp nhận.

[5.4] Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Minh Đ gồm có 03 người là: bà Võ Thị Tuyết H, bà Phạm Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Hoàng Y.

[6] *Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật:* Các đương sự đều xác định ông Nguyễn Minh Đ chết không để lại di chúc, không ai cung cấp được bản di chúc hợp pháp của ông Nguyễn Minh Đ nên Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Minh Đ chết không để lại di chúc và di sản thừa kế của ông Đ được chia theo pháp luật. Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của các đương sự là có cơ sở được chấp nhận.

[7] *Về xác định khối tài sản chung của vợ chồng và chia tài sản chung:* Các đương sự đều thống nhất xác định bà Võ Thị Tuyết H và ông Nguyễn Minh Đ là vợ chồng và có khối tài sản chung chưa chia, gồm: 01 (*một*) ngôi nhà hai tầng, diện tích xây dựng 78,7m^2, diện tích sử dụng 161,9m^2, có kết cấu: Tầng 1: Móng đá và bê tông, trụ, khung, dầm bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch trát vữa sơn màu, nền lát gạch men, chân tường ốp gạch men, trần đúc, ô tơ cao 3,5 (m). Tầng 2: Sàn,

trụ, dầm bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch trát vữa sơn màu, nền lát gạch men, chân tường ốp gạch men, trần đóng la phông nhựa, mái lợp tôn, ô tơ cao 3,1 (m) và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30; Địa chỉ: số H đường P, thuộc tổ B cũ (tổ 73 mới), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG004678 do UBND quận L cấp ngày 21/9/2006*); 01 (*một*) ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng: 37,19m^2, có kết cấu: móng đá, tường xây gạch trát vữa sơn vôi, nền lát gạch men, trần đóng la phông thả, mái lợp tôn, ô tơ cao 2,9 (m) và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48; tờ bản đồ số 09; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC150354 do UBND huyện P cấp ngày 09/5/2011*) và số tiền gốc 30.000.000 đồng đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng T2 Chi nhánh H3 (*Sổ tiết kiệm số TA01404594*). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận. Bà H có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chia đôi số tài sản trên cho bà H và ông Đ. Theo đó mỗi người sẽ được nhận ½ giá trị khối tài sản chung nói trên.

[8] *Về giá trị tài sản:* Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất với kết quả định giá của Chứng thư thẩm định giá số 5240081/CT-BTCVALUATION ngày 21/3/2024 của Công ty Cổ phần T3 và không ai có ý kiến khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử sử dụng kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá làm căn cứ giải quyết vụ án. Theo kết quả định giá của Chứng thư thẩm định giá số 5240081/CT-BTCVALUATION ngày 21/3/2024 có cơ sở xác định giá trị các tài sản như sau: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30, địa chỉ 88 P là: 3.425.632.952 đồng. Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là: 620.068.794 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Đ bà H là 3.425.632.952 đồng + 620.068.794 đồng + 30.000.000 đồng = 4.075.701.746 đồng.

[9] *Về di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ:* Di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ chết để lại là ½ khối tài sản chung của vợ chồng ông Đ bà H tại mục [7]. Tổng giá trị di sản thừa kế của ông Đ chết để lại là: 4.075.701.746 đồng : 2 = 2.037.850.873 đồng.

[10] Đối với các cây trồng trên thửa đất số 48, tờ bản đồ số 09 và tiền thuê nhà trên thửa đất này các đương sự không có tranh chấp gì và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đối với số tiền lãi của số tiền gốc 30.000.000 đồng gửi tiết kiệm ở ngân hàng thì các đương sự không có tranh chấp, thống nhất giao cho bà H được sở hữu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] *Về chia thừa kế:* Di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ có trị giá 2.037.850.873 đồng sẽ được chia thành 03 kỷ phần cho các đồng thừa kế là bà Võ Thị Tuyết H, bà Phạm Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Hoàng Y, mỗi kỷ phần có giá trị là 679.283.624 đồng.

[12] Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hoàng Y xác định tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng có giá trị 679.283.624 đồng cho bà Võ Thị Tuyết H. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bà Võ Thị Tuyết H được nhận khi chia tài sản chung, chia thừa kế là 2.037.850.873 + 679.283.624 đồng + 679.283.624 đồng (*kỷ phần thừa kế của bà Y được hưởng*) = 3.396.418.121 đồng.

[13] Về giao tài sản và thối trả:

[13.1] Đối với ngôi nhà và đất tại H P, thành phố Đà Nẵng và số tiền 30.000.000 đồng gửi tiết kiệm, Hội đồng xét xử thấy rằng bà Võ Thị Tuyết H là người được nhận giá trị phần lớn của tài sản, hiện tuổi cao nên Hội đồng xét xử thấy cần giao ngôi nhà và đất tại H P, thành phố Đà Nẵng và Sổ tiết kiệm có số tiền gốc là 30.000.000 đồng cho bà Võ Thị Tuyết H được quyền sở hữu, sử dụng là phù hợp.

[13.2] Đối với tài sản là 01 ngôi nhà cấp và đất tại thửa đất số 48; tờ bản đồ số 09; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế: Bà Phạm Thị Hồng P có nguyện vọng được sở hữu để có nơi đi về, bảo vệ đất đai của tổ tiên. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của bà Phước là chính đáng nên giao tài sản là 01 ngôi nhà cấp 4 và đất tại thửa đất số 48; tờ bản đồ số 09; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho bà Phạm Thị Hồng P được quyền sở hữu, sử dụng là phù hợp.

[13.3] Như vậy, bà Võ Thị Tuyết H phải có trách nhiệm thối trả cho bà Phạm Thị Hồng P số tiền chênh lệch kỷ phần còn thiếu là 59.214.830 đồng.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[14.1] Bà Võ Thị Tuyết H và ông Võ Anh X1 là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bà Võ Thị Tuyết H và ông Võ Anh X1.

[14.2] Bà Phạm Thị Hồng P phải chịu án phí đối với giá trị di sản được nhận (679.283.624 đồng) là: 20.000.000 đồng + 4% (279.283.624 đồng) = 31.171.000 đồng.

[15] Về các chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá tài sản 32.000.000 đồng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 6.000.000 đồng, tổng cộng là 38.000.000 đồng các đương sự được nhận tài sản phải chịu phần chi phí theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được nhận, cụ thể: bà Võ Thị Tuyết H nhận 83,33% giá trị tài sản nên phải chịu chi phí tố tụng là 31.665.000 đồng, bà Phạm Thị Hồng P nhận 16,67% giá trị tài sản nên phải chịu chi phí tố tụng là 6.335.000 đồng. Do bà Võ Thị Tuyết H đã nộp tạm ứng các chi phí trên nên cần buộc bà Phạm Thị Hồng P phải có nghĩa vụ trả lại các chi phí tố tụng nói trên cho bà Võ Thị Tuyết H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 3, 8, 9, 22, 50 Luật Nuôi con nuôi năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết H về việc *"Tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế theo pháp luật"*.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Hồng P về việc "*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu xác nhận quyền thừa kế, chia thừa kế theo pháp luật"*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Võ Anh X1 về "*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu xác nhận quyền thừa kế"* về việc yêu cầu công nhận ông Võ Anh X1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Minh Đ và chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ cho ông được hưởng một kỷ phần.

Tuyên xử:

1. Chia tài sản chung của bà Võ Thị Tuyết H và ông Nguyễn Minh Đ, cụ thể như sau: bà Võ Thị Tuyết H và ông Nguyễn Minh Đ mỗi người được nhận ½ khối tài sản gồm: 01 (*một*) ngôi nhà hai tầng, diện tích xây dựng 78,7m^2, diện tích sử dụng 161,9m^2, có kết cấu: Tầng 1: Móng đá và bê tông, trụ, khung, dầm bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch trát vữa sơn màu, nền lát gạch men, chân tường ốp gạch men, trần đúc, ô tơ cao 3,5 (m). Tầng 2: Sàn, trụ, dầm bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch trát vữa sơn màu, nền lát gạch men, chân tường ốp gạch men, trần đóng la phông nhựa, mái lợp tôn, ô tơ cao 3,1 (m) và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30; Địa chỉ: số H đường P, thuộc tổ G (*tổ 28 cũ*), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG004678 do UBND quận L cấp ngày 21/9/2006*) trị giá 3.425.632.952 đồng; 01 (*một*) ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng: 37,19m^2, có kết cấu: móng đá, tường xây gạch trát vữa sơn vôi, nền lát gạch men, trần đóng la phông thả, mái lợp tôn, ô tơ cao 2,9 (m) và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48; tờ bản đồ số 09; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC150354 do UBND huyện P cấp ngày 09/5/2011*) trị giá 620.068.794 đồng và số tiền gốc 30.000.000 đồng đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh H3 (*Sổ tiết kiệm số TA01404594 đứng tên Nguyễn Minh Đ, ngày gửi 16/02/2017*). Tổng giá trị tài sản mỗi người được nhận là: 2.037.850.873 đồng (*hai tỷ không trăm ba mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng*).

2. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh Đ chết để lại là ½ khối tài sản chung của bà Võ Thị Tuyết H và ông Nguyễn Minh Đ có trị giá 2.037.850.873 đồng cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Võ Thị Tuyết H, bà Phạm Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Hoàng Y. Mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế có giá trị là 679.283.624 đồng (*sáu trăm bảy mươi chín triệu hai trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi tư đồng*).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hoàng Y tặng cho bà Võ Thị Tuyết H kỷ phần thừa kế của mình được hưởng có giá trị 679.283.624 đồng (*sáu trăm bảy mươi chín triệu hai trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi tư đồng*).

4. Về giao tài sản và nghĩa vụ thối trả:

4.1. Giao cho bà Võ Thị Tuyết H được toàn quyền sở hữu, sử dụng: 01 (*một*) ngôi nhà hai tầng, diện tích xây dựng 78,7m^2, diện tích sử dụng 161,9m^2, có kết cấu: Tầng 1: Móng đá và bê tông, trụ, khung, dầm bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch trát vữa sơn màu, nền lát gạch men, chân tường ốp gạch men, trần đúc, ô tơ cao 3,5 (m). Tầng 2: Sàn, trụ, dầm bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch trát vữa sơn màu, nền lát gạch men, chân tường ốp gạch men, trần đóng la phông nhựa, mái lợp tôn, ô tơ cao 3,1 (m); Địa chỉ: số H đường P, thuộc tổ G (*tổ 28 cũ*), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng tọa lạc trên thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30 (*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG004678 do UBND quận L cấp ngày 21/9/2006*). Trị giá nhà và đất là 3.425.632.952 đồng (*ba tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn chín trăm năm mươi hai đồng*).

4.2. Giao cho bà Võ Thị Tuyết H được nhận và toàn quyền sở hữu đối với Sổ tiết kiệm số TA01404594 (đứng tên Nguyễn Minh Đ, ngày gửi 16/02/2017), số tiền gốc 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) tại Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh H3 và tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng cho đến thời điểm tất toán số tiền.

4.3. Giao cho bà Phạm Thị Hồng P được toàn quyền sở hữu, sử dụng: 01 (*một*) ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng: 37,19m^2, có kết cấu: móng đá, tường xây gạch trát vữa sơn vôi, nền lát gạch men, trần đóng la phông thả, mái lợp tôn, ô tơ cao 2,9 (m); Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tọa lạc trên thửa đất số 48; tờ bản đồ số 09 (*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG004678 do UBND quận L cấp ngày 21/9/2006*). Trị giá nhà và đất là 620.068.794 đồng (*sáu trăm hai mươi triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng*).

4.4. Bà Võ Thị Tuyết H và bà Phạm Thị Hồng P được quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Bà Võ Thị Tuyết H được quyền liên hệ với Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh H3 để làm các thủ tục nhận số tiền gốc và lãi của Sổ tiết kiệm số TA01404594 theo quy định.

4.6. Bà Võ Thị Tuyết H có trách nhiệm thối trả cho bà Phạm Thị Hồng P số tiền 59.214.830 đồng (*năm mươi chín triệu hai trăm mười bốn nghìn tám trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Miễn toàn bộ án phí cho các ông bà: Võ Thị Tuyết H và ông Võ Anh X1.

5.2. Bà Phạm Thị Hồng P phải chịu án phí là 31.171.000 đồng (*ba mươi mốt triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 7.500.000 đồng *(bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí bà Phạm Thị Hồng P đã nộp tại biên lai thu số 0000350 ngày 05/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Phạm Thị Hồng P còn phải nộp tiếp số tiền là 23.671.000 đồng (*hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*).

6. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị Hồng P phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Tuyết H các chi phí tố tụng là 6.335.000 đồng (*sáu triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

7. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Anh Tuấn